



QUAN HỆ KINH TẾ VIỆT NAM - LIÊN BANG NGA: THỰC TRẠNG VÀ TRIỂN VỌNG

MINH HOÀI

Trên cơ sở Tuyên bố chung về quan hệ đối tác chiến lược, các hiệp định hợp tác phát triển về nhiều lĩnh vực, trong 10 năm qua (2001 - 2010), quan hệ giữa Việt Nam và Liên bang Nga đã có bước phát triển toàn diện, được đánh dấu bằng các chuyến thăm cấp nguyên thủ quốc gia, đặc biệt là chuyến thăm Nga của Chủ tịch nước Nguyễn Minh Triết và Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh theo lời mời của Tổng thống Đ. Mét-vê-đép.

TẠI cuộc hội đàm cấp cao giữa hai nước tại Mát-xcơ-va trong chuyến thăm chính thức Liên bang Nga (tháng 7-2010), Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh và Tổng thống Đ. Mét-vê-đép bày tỏ vui mừng trước sự phát triển toàn diện của mối quan hệ đối tác chiến lược Việt Nam - Liên bang Nga trên tất cả các lĩnh vực, góp phần củng cố hòa bình, an ninh và thúc đẩy hợp tác, phát triển trong khu vực châu Á - Thái Bình Dương và trên thế giới. Hai nhà lãnh đạo khẳng định, kế thừa truyền thống 60 năm quan hệ Việt Nam - Liên bang Nga, chuyến thăm lần này của Tổng Bí thư Nông Đức Mạnh là dịp tốt để hai bên nhìn lại giai đoạn hợp tác gần 10 năm, kể từ khi hai nước xác lập quan hệ đối tác chiến lược; đồng thời cùng nhau trao đổi về phương hướng lớn thúc đẩy quan hệ hợp tác toàn diện, nhất là trong lĩnh vực kinh tế - thương mại và đầu tư cho giai đoạn tiếp theo.

Thực trạng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nga giai đoạn 2001 - 2010

Về quan hệ thương mại: Kim ngạch thương mại hai chiều giữa 2 nước trong giai đoạn này tăng trung bình 15%/năm, trong đó thời kỳ 2001 - 2005 tăng bình quân 12%, thời kỳ 2006 - 2010 đạt 17%/năm.

Các số liệu thống kê từ Bộ Công Thương Việt Nam cho thấy, nếu năm 2000 tổng kim ngạch xuất nhập khẩu (KNXNK) giữa hai nước chỉ đạt 367,1 triệu USD, trong đó Việt Nam xuất khẩu sang Nga là 122,5 triệu USD, nhập khẩu từ Nga 244,6 triệu USD, thì đến năm 2004 các con số tương ứng là: 887,3 triệu USD, (tăng 142%), 216,1 triệu USD, (tăng 77%), 671,2 triệu USD, (tăng 174%). Năm 2005, các số tương ứng là 1,02 tỉ USD, (tăng 15,4%); xuất khẩu 252 triệu USD, (tăng 17%); nhập khẩu 766 triệu USD, (tăng 14,1%) so với năm 2004. Năm 2009, mặc dù chịu ảnh hưởng

của khủng hoảng tài chính, suy thoái kinh tế toàn cầu song kim ngạch thương mại hai chiều vẫn đạt hơn 1,82 tỉ USD, tăng 80% (800 triệu USD) so với năm 2005, trong đó xuất khẩu sang Nga đạt 414,9 triệu USD, tăng 64,7% (163 triệu USD) và nhập khẩu đạt 1414,7 triệu USD, tăng 84,6% (648 triệu USD).

Năm 2010, tổng KNXNK giữa hai nước đạt trên 2,32 tỉ USD, tăng 28% (500 triệu USD) so với năm 2009, trong đó xuất khẩu đạt 755 triệu USD, (tăng 82,3%), nhập khẩu đạt 1,75 tỉ USD, (tăng 24,1%). Số liệu thống kê của Tổng cục Hải quan cho thấy, trong 6 tháng đầu năm 2010, tổng kim ngạch buôn bán hai chiều Việt Nam - Nga đạt 808 triệu USD, chiếm 1,1% tổng kim ngạch xuất nhập khẩu của Việt Nam với tất cả các nước có quan hệ thương mại. Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang thị trường Nga đạt trên 300 triệu USD, tăng mạnh (65,9%) so với cùng kỳ năm trước và chiếm 0,9% tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam. Thủy sản thuộc nhóm hàng có giá trị xuất khẩu sang Nga tăng mạnh. Nga là thị trường xuất khẩu hàng hóa lớn thứ 24 của Việt Nam, trong khi đó ở chiều ngược lại, Nga là nguồn hàng nhập khẩu lớn thứ 14 của các doanh nghiệp Việt Nam. Như vậy, tính tổng thể trong 6 tháng đầu năm 2010, Nga là đối tác thương mại lớn thứ 20 của Việt Nam. Nguyên nhân chính khiến kim ngạch xuất khẩu sang thị trường Nga tăng mạnh trong 6 tháng đầu năm 2010 là do trị giá xuất khẩu của một số mặt hàng sang thị trường này tăng đột biến như hàng thủy sản, cao su, dầu thô các loại, cà phê, hạt điều, máy vi tính, sản phẩm điện tử và linh kiện. Chỉ tính riêng 6 nhóm hàng này, kim ngạch tăng đã đóng góp 81,8 triệu USD trong tổng số 119 triệu USD tăng thêm của kim ngạch xuất khẩu sang Nga 6 tháng qua và xu hướng này vẫn tiếp tục trong 6 tháng cuối năm

Mặc dù quan hệ thương mại song phương Việt Nam - Nga tiến triển khá quan như vậy, song nếu so với nhu cầu và tiềm năng phát triển của hai nước thì vẫn còn chưa tương xứng. KNXNK giữa hai nước mới chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng kim ngạch ngoại thương của mỗi nước (của Nga chiếm 0,3% và của Việt Nam là khoảng 1,5%). So sánh với quan hệ thương mại Nga - Trung Quốc, Việt Nam - EU, Việt Nam - Trung Quốc, hay Việt Nam - Mỹ thì tốc độ tăng trưởng thương mại hai chiều Nga - Việt Nam còn quá thấp.

2010. Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ thị trường Nga trong 2 quý đầu năm 2010 đạt 508 triệu USD, giảm 20,6% so với cùng kỳ năm 2009, chủ yếu do trị giá nhập khẩu một số nhóm hàng chủ lực giảm mạnh như: sắt thép các loại giảm 130 triệu USD; xăng dầu các loại giảm 66,8 triệu USD; phân bón giảm 12,9 triệu USD; nhiên liệu bay giảm 11,8 triệu USD; sản phẩm từ sắt thép giảm hơn 6 triệu USD...

Cơ cấu hàng hóa trao đổi giữa hai nước nhìn chung trong 10 năm qua khá ổn định và đều theo hướng phát huy được các lợi thế so sánh của mỗi nước. Nga đã xuất sang Việt Nam chủ yếu là thép cán, các máy móc thiết bị công nghiệp, ô-tô và phụ tùng ô-tô, phân bón... Việt Nam đã xuất sang Nga chủ yếu là hàng tiêu dùng, may mặc, giày dép, thủ công mỹ nghệ, tạp hóa, các loại nông, lâm sản, hải sản như rau quả, lạc đỗ, cà phê, cao su, tôm, cá... Tuy nhiên, cho đến nay cán cân thương mại nhập siêu vẫn nghiêng về phía Việt Nam. Mức nhập siêu năm 2005 là 515 triệu USD, năm 2008 là 297 triệu USD và năm 2009 lên tới 1 tỉ USD. Năm 2010 ước bằng năm 2009.

Mặc dù quan hệ thương mại song phương Việt Nam - Nga tiến triển khả quan như vậy, song nếu so với nhu cầu và tiềm năng phát triển của hai nước thì vẫn còn chưa tương xứng. KNXNK giữa hai nước mới chỉ chiếm một tỷ trọng rất nhỏ trong tổng kim ngạch ngoại thương của mỗi nước (của Nga chiếm 0,3% và của Việt Nam là khoảng 1,5%). So sánh với quan hệ thương mại Nga - Trung Quốc, Việt Nam - EU, Việt Nam - Trung Quốc, hay Việt Nam - Mỹ thì tốc độ tăng trưởng thương mại hai chiều Việt Nam - Nga còn quá thấp. Năm 2009, tổng kim ngạch buôn bán song phương Việt Nam - EU là 14,8 tỉ USD, Việt Nam - Mỹ trên 14,0 tỉ USD, Việt Nam - Trung Quốc là 21 tỉ USD... Nếu so sánh quan hệ thương mại Việt Nam - Nga với quan hệ thương mại giữa Nga và Thái Lan thì KNXNK hai chiều Việt Nam - Nga vẫn thấp hơn, trong khi Nga với Việt Nam vốn đã là những bạn hàng thương mại truyền thống, có nhiều tương đồng với nhau. Với kết quả này, mục tiêu đề ra theo Nghị quyết của Khóa họp thứ 13 Ủy ban Liên Chính phủ Việt - Nga về hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học kỹ thuật (tháng 10-2009) nâng kim ngạch thương mại hai chiều lên 3 tỉ USD năm 2010 đã không đạt được và triển vọng đạt 10 tỉ USD vào năm 2020 cũng rất khó khăn và muốn đạt được cũng cần nhiều giải pháp tích cực và đồng bộ của cả hai nước.

Nguyên nhân của tình hình trên chủ yếu là do giữa hai nước vẫn còn có những rào cản do trình độ phát triển kinh tế thị trường theo xu hướng tự do hóa thương mại còn thấp ở cả tầm vĩ mô (nhà nước) và cả tầm vi mô (các doanh nghiệp).

Về hợp tác đầu tư: Hợp tác đầu tư giữa hai nước trong những năm gần đây có bước phát triển tích cực. Giai đoạn 2001 - 2007, số dự án và vốn FDI của Nga tại Việt Nam rất ít. Số

vốn đăng ký năm 2004 chỉ có 38,3 triệu USD, năm 2006 là 14,5 triệu USD, năm 2007 giảm xuống còn 12 triệu USD và từ 1989 - 2007 chỉ đạt mức 100 triệu USD. Nhưng từ năm 2008, Nga có 59 dự án với tổng vốn đăng ký đạt 376,36 triệu USD và vốn thực hiện đạt trên 233 triệu USD, đứng vị trí thứ 25 trong tổng số các quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư vào Việt Nam. Các dự án của Nga tập trung vào các lĩnh vực trồng và chế biến cao su, vận tải biển, sản xuất vật liệu xây dựng, chế biến thực phẩm, dầu khí... Năm 2009, tuy bị tác động của suy thoái kinh tế nhưng Nga vẫn có 2 dự án đầu tư mới vào Việt Nam với tổng vốn đăng ký đạt 329,8 triệu USD, đứng thứ 5 trong số 35 nước có đầu tư trực tiếp tại Việt Nam trong năm 2009. Tính chung trong giai đoạn 1989 - 2009, Nga có 17 dự án FDI với vốn đăng ký đạt 2.321,7 triệu USD. Các dự án FDI của Nga chủ yếu hợp tác trong các lĩnh vực như: dầu khí, thủy điện, nhiệt điện, than - khoáng sản, khai thác các mỏ bôxít, than và các nguồn thủy điện và xây dựng tại Việt Nam một tổ hợp sản xuất, chế biến nhôm...

Quan hệ đầu tư giữa Việt Nam và Nga những năm qua còn được đánh dấu qua các dự án FDI của Việt Nam tại Nga. Số dự án và số vốn FDI của Việt Nam tại Nga tăng dần: Thời kỳ 1989 - 2000 có 34,3 triệu USD, 2001 - 2007 có 44 triệu USD, 2008 - 2009 có 867 triệu USD. Tính chung giai đoạn 1989 - 2009 Việt Nam có 18 dự án với số vốn đăng ký tại Nga là 945,3 triệu USD (chưa kể dự án ngân hàng), đứng thứ 3 về số vốn FDI của Việt Nam ở nước ngoài, sau Lào và Cam-pu-chia. Đánh giá chung, đầu tư của Việt Nam sang Nga trong vài năm trở lại đây (2008 - 2010) đã tăng nhanh, từ chỗ chỉ có 12 dự án với số vốn khoảng 100 triệu USD, nay đã tăng lên 18 dự án với tổng số vốn đầu tư là 1,7 tỉ USD (gồm các dự án lớn trong lĩnh vực dầu khí, ngân hàng, thương mại và dịch vụ).

Đề nâng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nga ngang tầm đối tác chiến lược, Chính phủ và các doanh nghiệp của cả hai nước cần phấn đấu tuân thủ các thông lệ thương mại quốc tế, tiến tới xóa bỏ dần các rào cản thương mại để đẩy mạnh tự do hóa thương mại. Những thủ tục rườm rà về hải quan, những cản trở về thanh toán xuất nhập khẩu cần được nhanh chóng xóa bỏ để tạo điều kiện cho các hoạt động thương mại song phương Việt Nam - Nga không ngừng tăng lên.

Tuy đạt được những tiến bộ trong hợp tác đầu tư từ cả 2 phía, song những kết quả đạt được còn rất khiêm tốn so với tiềm năng và thế mạnh của mỗi nước và chưa tương xứng với quan hệ đối tác chiến lược. Nguyên nhân là mặc dù phía Việt Nam luôn tìm kiếm cơ hội, đề xuất hợp tác, liên doanh sản xuất tại Việt Nam và chuyển giao công nghệ trong các lĩnh vực công nghiệp mà Nga có thế mạnh như: chế tạo máy, thiết bị vận chuyển, thiết bị năng lượng, luyện kim, khai thác mỏ, nhưng cho tới nay, hợp tác Việt Nam - Nga về cơ bản vẫn chỉ kế thừa các dự án, những định hướng và hình thức đã có từ thời Liên Xô cũ, chưa hình thành được dự án mới có tầm cỡ quốc gia. Bên cạnh đó, doanh nghiệp hai bên tham gia đầu tư chủ yếu vẫn là doanh nghiệp nhỏ và vừa, quy mô nguồn vốn có hạn, còn ngại khó, dè chừng quá mức những rủi ro, chưa mạnh dạn đi sâu tìm hiểu nắm bắt thông tin, nhu cầu hợp tác, tận dụng cơ hội, huy động nguồn vốn, vượt qua những rào cản về tâm lý để hợp tác với nhau.

Về quan hệ du lịch: Số lượng lượt khách du lịch Nga đến Việt Nam năm 2005 đạt 24,9 nghìn lượt người, năm 2006 là 28,8 nghìn, năm 2007 là 43,3 nghìn, năm 2008 là 49,0

nghìn, năm 2009 là 55,2 nghìn lượt người. Tuy lượng khách còn khiêm tốn so với tiềm năng nhưng có xu hướng tăng dần qua các năm là dấu hiệu đáng mừng.

Triển vọng những năm tới

Với những thành tựu hai nước đã đạt được trong 10 năm đầu thực hiện quan hệ đối tác chiến lược, quan hệ kinh tế giữa Việt Nam và Nga đã được nâng lên tầm cao mới với xu thế bền vững, toàn diện cả bề rộng và chiều sâu, năm sau cao hơn năm trước. Với quan hệ chính trị ngoại giao không ngừng được củng cố và phát triển thông qua các cuộc thăm viếng cấp cao giữa các nhà lãnh đạo hai nước, nhất là chuyến thăm Việt Nam của Tổng thống Đ. Mэт-вê-đép (vào tháng 10-2010), với quan hệ truyền thống vốn có của cả hai dân tộc sau 60 năm hai nước thiết lập quan hệ ngoại giao (1950 - 2010), có thể tin tưởng rằng, quan hệ kinh tế song phương sẽ tiếp tục phát triển toàn diện và vững chắc. Dự báo, tổng KNXNK giữa 2 nước những năm 2010 - 2020 đạt tốc độ tăng trưởng bình quân 20% (so với 15% của giai đoạn 2001 - 2010). Và như vậy, đến năm 2015 KNXNK sẽ đạt khoảng 5 tỉ USD và năm 2020 sẽ đạt 10 tỉ USD, như mục tiêu đề ra theo Nghị quyết của Khóa họp thứ 13 Ủy ban Liên Chính phủ Việt - Nga về hợp tác kinh tế - thương mại và khoa học kỹ thuật (tháng 10-2009).

Về đầu tư, vốn FDI của Nga tại Việt Nam đến năm 2015 dự báo sẽ đạt mức 6 - 7 tỉ USD, và vốn FDI của Việt Nam tại Nga cũng sẽ đạt mức 4 - 5 tỉ USD. Cơ sở của các dự báo này là tiềm năng và thế mạnh của cả hai nước rất lớn và chắc chắn sẽ được phát huy theo tinh thần đối tác chiến lược với sự tham gia của Chính phủ và của các bộ, ngành, địa phương và nhất là của các doanh nghiệp thuộc mọi ngành, lĩnh vực và thành phần kinh tế.

Để biến các triển vọng thành hiện thực cần xây dựng và triển khai hệ thống các giải pháp tích cực và đồng bộ. Các giải pháp chủ yếu là:

- Chính phủ Việt Nam cần có cơ chế hỗ trợ các doanh nghiệp đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại để có thể nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm của mình trên thị trường Nga, tập trung nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm xuất khẩu, đầu tư thích hợp cho quảng bá thương hiệu, đồng thời, tập trung phát triển hợp tác có hiệu quả trong các lĩnh vực công nghiệp mũi nhọn mà phía Nga có thế mạnh; xây dựng cơ chế, chính sách của Nhà nước để hỗ trợ, thúc đẩy quan hệ kinh tế với Nga.

- Đề nghị các doanh nghiệp Nga đổi mới cách thức tiếp cận để hợp tác, đầu tư tại Việt Nam. Cục Kiểm dịch động thực vật (Bộ Nông nghiệp Nga) cần tiếp tục tháo dỡ và tiến tới dỡ bỏ hoàn toàn lệnh cấm nhập thủy, hải sản đối với các doanh nghiệp của Việt Nam và tăng thêm các cảng nhập khẩu mặt hàng trên, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà nhập khẩu Nga nhập khẩu thủy, hải sản, chè, cà phê, rau quả tươi... của Việt Nam.

- Để chuẩn bị cho kế hoạch phát triển nguồn điện chạy than giai đoạn 2006 - 2015, Việt Nam đề nghị phía Nga tạo điều kiện cho EVN và Vinacomin có thể mua than theo hợp đồng dài hạn với các công ty khai thác, sản xuất than vùng Xi-bê-ri, hoặc liên doanh với doanh nghiệp Nga khai thác mỏ than tại Nga và xuất khẩu sang Việt Nam. Nga tích cực tham gia cộng đồng các nhà tài trợ ODA cho Việt Nam, trước hết để khôi phục, cải tạo các công trình hợp tác trước đây giữa hai nước, tiến tới thực hiện các dự án hợp tác phát triển thương mại, đầu tư du lịch mà hai bên cùng quan tâm.

- Nga cũng cần ưu tiên việc cung cấp nguyên liệu luyện kim cho Việt Nam như phôi thép, thép phế, than mỡ, than coke, các sản phẩm

thép đặc biệt khác và hợp tác với Tổng Công ty Thép Việt Nam đầu tư xây dựng nhà máy thép đặc biệt tại Việt Nam. Hợp tác đầu tư thành lập nhà máy liên doanh sản xuất máy kéo nhỏ (4 bánh, động cơ từ 24-40 HP) tại Việt Nam.

Để nâng quan hệ kinh tế Việt Nam - Nga ngang tầm đối tác chiến lược, Chính phủ và các doanh nghiệp của cả hai nước cần phấn đấu tuân thủ các thông lệ thương mại quốc tế, tiến tới xóa bỏ dần các rào cản thương mại để thúc đẩy tự do hóa thương mại. Những thủ tục rườm rà về hải quan, những cản trở về thanh toán xuất nhập khẩu cần được nhanh chóng xóa bỏ để tạo điều kiện cho các hoạt động thương mại song phương Việt - Nga không ngừng tăng lên. Đương nhiên để đạt như vậy, cả hai nước đều phải phấn đấu nâng cao khả năng cạnh tranh hàng hóa với các đối tác thương mại khác trong cùng khối APEC. Việt Nam phải cạnh tranh mạnh hơn với Trung Quốc về hàng may mặc, thực phẩm; tiếp tục cạnh tranh với gạo Thái Lan; cao su Việt Nam sẽ phải cạnh tranh với cao su In-đô-nê-xi-a... Còn phía Nga lại phải cạnh tranh với Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản... về việc xuất sang Việt Nam các sản phẩm máy móc thiết bị công nghiệp.

Những khó khăn, thách thức đối với quan hệ kinh tế Việt Nam - Nga tuy còn rất nhiều, nhưng hoàn toàn có thể khắc phục được vì Chính phủ, các doanh nghiệp và nhân dân hai nước đều có thiện chí, cùng nỗ lực phấn đấu để vượt qua. Đặc biệt, Việt Nam còn có thuận lợi lớn là cộng đồng các doanh nghiệp và cộng đồng người Việt đang làm ăn, sinh sống, học tập tại Liên bang Nga, có trình độ, kinh nghiệm kinh doanh, hiểu biết sâu về thị trường và tiềm lực kinh tế cả hai nước, là cầu nối để đưa quan hệ kinh tế giữa hai nước lên tầm cao mới tương xứng với tầm đối tác chiến lược. □